

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày 18 - 5 - 2018

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Ngô Anh Vân**

Bà **Lê Thị Hoàng Yên.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Đào Thị Ngọc Thuận** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017, các Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2018, số 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2018 và Thông báo số 131/TB-HNGĐ ngày 02/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường T, huyện N, Khánh Hòa: Có mặt;

- Bị đơn: Anh **Phan Văn L**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Đan Mạch: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 3 năm 2016 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Nguyễn Thanh H trình bày: Chị kết hôn với anh Phan Văn L vào năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 140 quyển số 01/2006 ngày 11/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung với nhau trong thời gian khoảng một tháng. Sau đó, chị ở Việt Nam, anh Phan Văn L trở về Đan Mạch và không còn liên lạc với nhau. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn. Chị và anh Phan Văn L không có con chung, không có tài sản chung nên chị không yêu cầu gì về con cái, tài sản.

Ngày 11/7/2017, Tòa án đã có Công văn số 08/TA-DS đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Đan Mạch tổng đạt các Văn bản tố tụng gồm: Thông báo Thụ lý vụ án số 19/2016/TB-TLVA ngày 30/3/2016, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa số 711A/2017/TB-TA ngày 11/7/2017 cho bị đơn là anh Phan Văn L.

Theo Văn bản số 543/CV-LS-QHLS ngày 27/02/2018 Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao và các tài liệu, giấy tờ kèm theo: Đại sứ quán Việt Nam tại Đan Mạch đã gửi Thư thông báo về việc ủy thác tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo Công văn số 08/TA-DS ngày 11/7/2017 cho ông Phan Văn L từ ngày 06/10/2017 nhưng đến ngày 10/11/2017 vẫn không nhận được trả lời của ông Phan Văn L; Nội dung ủy thác đã được niêm yết tại trụ sở Đại sứ quán 30 ngày, kể từ ngày 06/10/2017 nhưng ông Phan Văn L không đến nhận hồ sơ tổng đạt.

Tòa án đã có Văn bản số 472/2018/TA-DS ngày 12/4/2018 (đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Đan Mạch Thông báo trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam tại Đan Mạch) đồng thời tiến hành niêm yết các Văn bản tố tụng nói trên tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa từ ngày 18/4/2018 và Thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án cho anh Phan Văn L về việc tham gia tố tụng tại tòa án để giải quyết việc yêu cầu ly hôn của chị Phạm Nguyễn Thanh H nhưng đến nay, anh Phan Văn L vẫn không đến tòa tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi tòa án, việc hòa giải không thể tiến hành được. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Phát biểu tại phiên tòa, Kiểm sát viên cho là: Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý, thu thập chứng cứ, hòa giải; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân thủ các trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm; Đương sự đã được đảm bảo việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án gửi Thông báo Thụ lý vụ án số 19/2016/TB-TLVA ngày 30/3/2016, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa số 711A/2017/TB-TA ngày 11/7/2017 đến cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Đan Mạch để tổng đạt cho bị đơn là anh Phan Văn L (theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự) nhưng anh L không đến nhận và không có ý kiến trả lời.

Thông báo Thụ lý vụ án số 19/2016/TB-TLVA ngày 30/3/2016 và Thông báo về phiên họp, mở phiên tòa số 711A/2017/TB-TA ngày 11/7/2017 của Tòa án đã được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan đại diện Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Đan Mạch, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án theo Khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, phiên tòa được tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn L theo Điểm b Khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung:*

[2.1] Việc kết hôn của chị Phạm Nguyễn Thanh H với anh Phan Văn L phù hợp với các quy định của Điều 9, Điều 11, Điều 102 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010 nên quan hệ hôn nhân của các đương sự là hợp pháp.

[2.2] Do cách trở về địa lý, vợ chồng chị H, anh L đã không sống chung với nhau trong thời gian dài kể từ khi kết hôn, không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vì vậy, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc của chị H và anh L không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, yêu cầu ly hôn của chị H phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, tài sản chung: Chị Phạm Nguyễn Thanh H khai chị không có tài sản chung, không có con chung với anh Phan Văn L và không yêu cầu gì về nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí:* Vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên đương sự phải chịu án phí theo quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình,

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Chị Phạm Nguyễn Thanh H được ly hôn anh Phan Văn L.

2. Căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009,

Chị Phạm Nguyễn Thanh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ/ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/0007551 ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự,

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Thị Nghĩa